TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 5 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C và bà T1 chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh

Bình Dương. Việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc do thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt trầm trọng. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Vì vậy, ông C xin ly hôn với bà T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông C và bà T1 có 02 người con tên Nguyễn Biện T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Biện M, sinh năm 2014, hiện tại hai con đang chung sống với ông C. Khi ly hôn ông C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà T1;

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Biện T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Biện M, sinh năm 2014, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T1 nhưng bà T1 vẫn vắng mặt nên không xem xét được ý kiến của bà T1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến :

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng: Những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, ông C và bà T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng nên đã sống ly thân và hiện không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Về con chung, trong quá trình chung sống ông C và bà T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Biện T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Biện M, sinh năm 2014; khi ly hôn ông C yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện con đang sống với ông C, bà T1 không có ý kiến trình bày, vì vậy nên tiếp tục để ông C nuôi dưỡng các con chung, ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Biện Thị T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông C và bà T1 chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống nguyên đơn cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ, cãi vả. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì cuộc sống gia đình giữa ông C và bà T1 thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân thì chính quyền địa phương không được rõ. Điều này cũng phù hợp với lời khai của ông C.

Bà T1 vắng mặt nên không có căn cứ xem xét ý kiến của bà T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của ông C là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, các bản sao giấy khai sinh, xác định ông C và bà T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Biện T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Biện M, sinh năm 2014. Hiện con chung đang sống với ông C. Theo bản tự khai thì cháu T2 có nguyện vọng được sống với bà

T1, tuy nhiên hiện tại cháu T2 đang sống với ông C và bà T1 không có mặt tại phiên tòa nên không xem xét được ý kiến của bà T1. Vì vậy, cần tiếp tục để ông C nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông C và bà T1 được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bà T1.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà T1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Biện T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Biện M, sinh năm

2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008223 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã A (*Số 46, Quyển số 1/2006*);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiên